

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2018

V/v ly hôn giữa chị C và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Cường;

2. Ông Vũ Trí Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị C, sinh năm 1988 “có mặt”

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Xóm S, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1986 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề 17/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vi Thị C trình bày: Chị và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, anh T không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Hai bên

gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng chị đã sông ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Đặng Vi Trang N, sinh ngày 25/9/2013. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 và trong quá trình xét xử bị đơn, anh Đặng Văn T trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như chị C trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị C hay kiểm soát cãi nhau với anh. Từ tháng 9/2017 chị C đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị C xin ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn chị C về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Vi Trang N, sinh ngày 25/9/2013, anh không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung vợ chồng anh không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 227, 147, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vi Thị C và anh Đặng Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Vi Thị C trực tiếp nuôi con Đặng Vi Tranh N, sinh năm 2013. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Chị Vi Thị C và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn năm

2013 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị C và anh T là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thông cảm cho nhau. Từ tháng 9/2017 chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh cũng xác định vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị C được ly hôn anh T.

[2] *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh T có 01 con chung là Đặng Vi Tranh N, sinh năm 2013. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện nay cháu đang ở với chị C. Nay chị C có nguyện vọng được nuôi con và đủ điều kiện để nuôi con, anh T không có ý kiến gì nên cần tiếp tục giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Vi Thị C và anh Đặng Văn T.
2. *Về con chung*: Giao cho chị Vi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Vi Trang N, sinh năm 2013. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.
3. *Về án phí*: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002883 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã S, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.Hội đồng xét xử sơ thẩm
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

**TAND HUYỆN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ ... phút, ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường và Vũ Trí Khiêm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 529/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị C, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Xóm S, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Vi Thị C và anh Đặng Văn T.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Vi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Vi Trang N, sinh năm 2013. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

3. *Về án phí:* Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002883 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Cường Vũ Trí Khiêm

Tạ Thị Thu Thủy